

H^h n^h T^h : H^h c ph^hFn : 122014200101 - Ch^h c k^hJ^h c B^h H^h c k8 : HK02

STT	Mã S´	L, P SV	H´ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêIN										TBC TP	QUY TS 50%	η IqM THI	QUY TS 50%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010481	36C1	η, Th`nh An	27/02/1994	2.0	3.0	5.0								3.3	1.7	0.0	0.0	1.7	
2	3641012025	36C1	Nguy, n B³nh An	06/01/1994											0.0	0.0	0	0.0		
3	3641010098	36C1	Nguy, n Ho`ng ư n	21/09/1993	6.0	8.0	6.0								6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
4	3641010072	36C1	H` VêN Bợo	02/03/1993	0.0	4.0	6.0								3.3	1.7	3.0	1.5	3.2	
5	3641010116	36C1	Nguy, n Hu8nh Th§i Bợo	18/11/1993											0.0	0.0	0	0.0		
6	3641010482	36C1	Võ Xuân Biên	02/02/1994	5.0	5.0	7.0								5.7	2.9	7.0	3.5	6.3	
7	3641010023	36C1	Trợh Nh-ê Bình	07/03/1990	5.0	4.0	7.0								5.3	2.7	5.0	2.5	5.2	
8	3641010121	36C1	η `m Công	28/03/1994	6.0	7.0	7.0								6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
9	3641010026	36C1	Trợh Minh D-êng	27/08/1993	6.0	6.0	8.0								6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
10	3641010141	36C1	H` S: η ang	09/09/1994	3.0	2.0	5.0								3.3	1.7	1.0	0.5	2.2	
11	3641010135	36C1	Nguy, n Th`nh η Ễ	20/07/1994	3.0	3.0	5.0								3.7	1.9	3.0	1.5	3.3	
12	3641010128	36C1	PhỄm TiJh η Ễ	30/07/1994	6.0	10.0	9.0								8.3	4.2	6.0	3.0	7.2	
13	3641010049	36C1	Lê Hoàng η í p	21/07/1993	3.0	0.0	4.0								2.3	1.2	3.0	1.5	2.7	
14	3641010148	36C1	B½ VêN η o`n	12/01/1993	5.0	5.0	8.0								6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
15	3641010021	36C1	H` Tr` ng Hào	15/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		
16	3641010101	36C1	Võ Phúc Hêu	18/06/1994	4.0	5.0	8.0								5.7	2.9	0.0	0.0	2.8	
17	3641010081	36C1	T, C¹ ng Kha	21/02/1993	6.0	7.0	6.0								6.3	3.2	6.0	3.0	6.2	
18	3641010070	36C1	Nguy, n Duy Khang	08/09/1994	8.0	8.0	8.0								8.0	4.0	7.0	3.5	7.5	
19	3641010032	36C1	Mai Tùng Lâm	11/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		

BẢNG ĐIỂM H. C PH. N - M. N TH. NH PH. N

Kh. a h. c : L. p h. c : 36C1 N. m h. c : 2012-2013 Đ. VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H. p T : H. c ph. n : 122014200101 - Ch. h. c k. j. c. h. H. c k. 8 : HK02

STT	Mã S'	L. P SV	H. Vê T. n	NGÀY SINH	Đ. I. M TH. NH PH. N										TBC TP	QUY TS 50%	Đ. I. M THI	QUY TS 50%	Đ. I. M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
20	3641010113	36C1	L. D. ong Linh	16/11/1993	8.0	10.0	9.0								9.0	4.5	9.0	4.5	9.0	
21	3641010123	36C1	Nguy. n V. n M. nh	23/05/1994											0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	3641010146	36C1	Qu. sch H. u Nam	23/08/1993	0.0	4.0	6.0								3.3	1.7	1.0	0.5	2.2	
23	3641010109	36C1	Đ. M. nh Nguyên	03/10/1993	6.0	7.0	6.0								6.3	3.2	6.0	3.0	6.2	
24	3641010097	36C1	Nguy. n Quang Phúc	10/11/1992	5.0	5.0	6.0								5.3	2.7	7.0	3.5	6.2	
25	3641010082	36C1	H. Ng. c Quý	15/01/1994	6.0	6.0	7.0								6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
26	3641010057	36C1	Phan Thanh S. n	01/03/1994	7.0	8.0	8.0								7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
27	3641010053	36C1	Nguy. n Nh. t Tân	23/12/1993	2.0	2.0	8.0								4.0	2.0	3.0	1.5	3.5	
28	3641010105	36C1	V. » T. h. Tây	17/05/1994	5.0	5.0	5.0								5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
29	3641010046	36C1	Nguy. n Th. nh Ti. h	10/12/1994	9.0	8.0	9.0								8.7	4.4	8.0	4.0	8.3	
30	3641010354	36C1	Tr. h V. n Tình	05/02/1992	6.0	5.0	7.0								6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
31	3641010095	36C1	Đ. m Trung Tích	06/02/1994	3.0	3.0	4.0								3.3	1.7	2.0	1.0	2.7	
32	3641010016	36C1	Nguy. n V. n T. nh	18/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		
33	3641010092	36C1	H. H. u Toàn	20/04/1994	8.0	7.0	9.0								8.0	4.0	7.0	3.5	7.5	
34	3641010090	36C1	L. Ng. c Toàn	13/02/1994	2.0	2.0	5.0								3.0	1.5	4.0	2.0	3.5	
35	3641010124	36C1	Tr. h Anh To. h	28/04/1991	6.0	5.0	8.0								6.3	3.2	8.0	4.0	7.2	
36	3641010132	36C1	L. Nguy. n Ho. ng Tu. h	05/09/1994											0.0	0.0	0	0.0		
37	3641010040	36C1	Phan Thanh Tu. h	19/02/1993	4.0	5.0	7.0								5.3	2.7	4.0	2.0	4.7	
38	3641010011	36C1	Võ Duy Tu. h	16/03/1994	1.0	1.0	0.0								0.7	0.4	3.0	1.5	1.8	
39	3641010083	36C1	Tr. ong V. n Tuyên	30/07/1994	5.0	4.0	8.0								5.7	2.9	6.0	3.0	5.8	

H^h n^h T^h : H^h c phFn : 122014200101 - Ch^h c kJ^h c B^h H^h c k8 : HK02

T'ng s' : 52 h' c sinh sinh vi' n

Giáo V... Khoa